

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**
Bản án số: 09/2021/DS-PT
Ngày 25-01-2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Trâm Anh

Các Thẩm phán: Ông Võ Kế Nghiệp

Ông Võ Minh Triều

- Thư ký phiên tòa: Bà Quan Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 tháng 12 năm 2020 và 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2020/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 158/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Cường E, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 6 Đ, xã Nam T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim S, sinh năm 1987. Địa chỉ: 512 khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Cường E (theo văn bản ủy quyền ngày 11/12/2018) (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Bùi Thanh A, sinh năm 1971 - Chủ doanh nghiệp tư nhân A (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 09, ấp 9 X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: luật sư Hoàng Quốc V, thuộc văn phòng luật sư Phạm Anh V, đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Thành T, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Kinh 5A, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Bùi Thanh A - Chủ doanh nghiệp tư nhân A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Lê Cường E và chị Nguyễn Thị Kim S trình bày*: Trước đây ông Lê Cường E có từng giao dịch mua bán tôm thịt với ông Bùi Thanh A - Chủ doanh nghiệp tư nhân A, tại địa chỉ: ấp 9 X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Khoảng tháng 7, tháng 8 năm 2018 ông A có nhắn tin cho ông Cường E có thu mua tôm thịt trở lại, nên ông đã bán tôm cho ông A, cụ thể:

Ngày 11/8/2018 ông Cường E bán tôm 3.763 con trọng lượng 160,2 kg, thành tiền 37.326.000 đồng; tôm 1.640 con, trọng lượng 110,4 kg, thành tiền 35.990.000 đồng; tôm 814 con, trọng lượng 50,7 kg, thành tiền 15.970.000 đồng, tính tổng số tiền làm tròn là 89.270.000 đồng. Khi đó có vợ và con ông A (không biết họ tên) trực tiếp lựa tôm, còn người cân tôm là một người khác không rõ họ tên, riêng ông A thì không tham gia mà ngồi uống rượu với ông Cường E. Sau khi bán xong cũng do người trực tiếp cân tôm của ông Cường E ra hóa đơn của doanh nghiệp tư nhân A chứ không trả tiền cho ông Cường E.

Ngày 12/8/2018 ông Cường E không trực tiếp đi giao dịch mà do Lê Văn T1 và Lý Hoàng T2 là người làm công của ông Cường E trực tiếp đi giao tôm cho doanh nghiệp tư nhân A và bán được số tiền 66.980.000 đồng (277,7 kg, tôm loại 23 con/kg).

Tổng cộng 02 ngày bán tôm được 156.250.000 đồng nhưng ông A chưa trả đồng nào. Sau mỗi lần cân tôm ông A có ra 02 phiếu mua hàng nhưng không trả tiền. Ông Cường E có điện thoại đòi tiền nhưng ông A hẹn đợi bên kia trả tiền (không rõ ai) thì ông sẽ trả cho ông Cường E, nhưng sau đó vẫn không thực hiện. Ông A có nhắn tin cho ông Cường E vài lần về việc mua bán tôm và sau đó có hẹn trả tiền mua tôm còn thiếu.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Chủ doanh nghiệp tư nhân A là ông Bùi Thanh A phải trả số tiền mua bán tôm còn thiếu là 156.250.000đ (*Một trăm năm mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*), đồng thời phải trả lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 13/8/2018 đến khi giải quyết xong vụ án.

- *Bị đơn ông Bùi Thanh A - Chủ doanh nghiệp tư nhân A trình bày:* Ông thừa nhận trước đây có giao dịch mua bán tôm với ông Lê Cường E vài lần nhưng từ năm 2014 đến nay thì không giao dịch mua bán tôm với ông Cường E nữa.

Từ năm 2014 trở đi ông thường cho người khác mượn địa điểm của ông để thu mua tôm, còn ông thì hưởng huê hồng, tùy theo thỏa thuận mà người mua cho ông hưởng có lúc 1.000đ/kg, có lúc 2.000đ/kg, cụ thể thời gian ông cho những người mượn doanh nghiệp của ông để thu mua tôm gồm:

- Năm 2014, 2015 Công ty Q ở huyện T, Cà Mau;
- Năm 2016 Doanh nghiệp C ở T - Bạc Liêu;
- Năm 2017, 2018 ông Lê Thành T, địa chỉ: ấp Kinh 5, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11/8/2018 và ngày 12/8/2018 ông có thấy ông Cường E đến doanh nghiệp của ông để cân tôm bán cho ông Lê Thành T. Còn ông không tham gia gì đến việc mua bán tôm giữa ông Cường E với ông T mà do hai bên tự thỏa thuận với nhau. Đối với 02 phiếu mua hàng (ghi nhận số tiền tôm đã cân được của ông Cường E) đúng là phiếu của doanh nghiệp tư nhân A, nhưng là do ông Lê Thành T tự viết và giao hóa đơn cho ông Cường E như thế nào ông không rõ, vì những người mượn địa chỉ trước đây của ông cũng dùng phiếu mua hàng doanh nghiệp tư nhân A ghi và giao cho những người đến bán tôm.

Nay ông không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông Cường E, vì ông xác định không mua tôm của ông Cường E.

- *Người có quyền lợi liên quan ông Lê Thành T trình bày:* Ông với ông Bùi Thanh A chỉ là mối quan hệ làm ăn với nhau chứ không có quan hệ họ hàng gì, còn với ông Lê Cường E ông xác định không biết là ai do trong quá trình mua bán tôm ông thu mua của rất nhiều người.

Khoảng tháng 11, tháng 12 năm 2016 ông có trực tiếp đến doanh nghiệp tư nhân A do ông Bùi Thanh A làm chủ để cân tôm. Ông có hợp đồng với ông A nhưng bằng miệng, cụ thể: Ông lấy địa điểm của ông A để thu mua tôm thịt, giá cả do ông đưa ra cho ông A để ông A thỏa thuận với những người bán tôm, việc thu mua do ông là người trực tiếp sặt, đếm, cân tôm rồi tính ra bằng tiền, sau đó

ghi vào sổ, người xuất hóa đơn là ông, ông A chỉ hưởng huê hồng mỗi kí 2.000 đồng.

Năm 2016 ông chỉ mua khoảng vài tháng thì không mua nữa, đến năm 2017 tiếp tục đến doanh nghiệp của ông A thu mua tôm thịt, về cách thức thỏa thuận cũng như lần đầu, nhưng việc mua bán chỉ diễn ra đến cuối tháng 6 đầu tháng 7 năm 2018 âm lịch thì ông không thu mua tôm nữa. Ông xác định hai hóa đơn thể hiện tại bút lục số 07, 08 là do ông trực tiếp viết ra và giao cho người bán tôm. Sau khi thu mua thì ông không trực tiếp trả tiền cho người bán mà giao tiền cho ông A trả dùm. Do đó, đối với 02 hóa đơn nêu trên ông không xác định ông A đã trả cho người bán tôm hay chưa nên không xác định được còn nợ hay không.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2020/DS-ST ngày 30/6/2020 Tòa án nhân dân huyện An Minh đã quyết định:

Buộc ông Bùi Thanh A phải trả cho ông Lê Cường E số tiền mua bán tôm còn thiếu là 156.250.000đ (Một trăm năm mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông Lê Cường E buộc ông Bùi Thanh A phải trả số tiền 34.320.000 đồng, trong tổng số tiền 190.570.000 đồng ông yêu cầu.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án và bảo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020, ông Bùi Thanh A kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 20/2020/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang hủy toàn bộ nội dung Bản án số 20/2020/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim S - đại diện theo ủy quyền của ông Lê Cường E rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu tính lãi chậm thanh toán nợ, chỉ yêu cầu ông Bùi Thanh A - chủ doanh nghiệp tư nhân A trả số tiền mua tôm còn thiếu là 156.250.000 đồng.

Bị đơn ông Bùi Thanh A - Chủ Doanh nghiệp tư nhân A vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Luật sư bảo vệ cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử làm rõ các chứng cứ còn mâu thuẫn nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ, theo tài liệu thu thập được tại cơ quan điều tra công an huyện An Minh xác định ông Cường E có làm đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự trong đó có nội dung ông Cường E biết được ông T là người đến thuê địa điểm của ông A để thu mua tôm, mặt khác các phiếu mua hàng do ông Cường E cung cấp (BL 07, 08) có nội dung không rõ ràng về số

tiền là bao nhiêu nhưng cấp sơ thẩm vẫn buộc ông A trả số tiền 156.250.000 đồng là không đúng, trong khi đó ông A cho ông T thuê địa điểm kinh doanh có làm văn bản, nội dung có thỏa thuận ông T phải chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan đến việc giao dịch mua bán hải sản, do đó đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện An Minh buộc ông T hoàn trả số nợ 156.250.000 đồng cho ông Cường E hoặc hủy Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật: Từ khi thụ lý cho đến trước khi tuyên án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: ông Bùi Thanh A cho ông T thuê địa điểm thu mua tôm nhưng không thông báo cho ông Cường E biết, tất cả tin nhắn báo giá thu mua tôm đều do ông A nhắn tin cho ông Cường E với tư cách cơ sở tư nhân A báo giá thu mua tôm, do đó cần xác định ông Cường E thực hiện giao dịch thu mua tôm là với ông Bùi Thanh A - chủ doanh nghiệp tư nhân A nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông A phải trả 156.200.000 đồng tiền thu mua tôm cho ông Cường E là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện tính lãi chậm thanh toán nợ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông A, sửa Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang về việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện tính lãi chậm thanh toán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Thành T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử vắng mặt.

[2] Về chủ thể hợp đồng mua bán: Tại phiên tòa hôm nay, ông Bùi Thanh A - chủ doanh nghiệp tư nhân A xác nhận toàn bộ tin nhắn (BL 38 - 40) có nội dung A báo giá thu mua tôm và thông báo chưa có tiền thanh toán là do ông gửi cho ông Cường E từ số điện thoại của ông đã sử dụng. Mặt khác, ông xác nhận giữa ông và ông Cường E không mua bán tôm thương xuyên, ông Cường E từng

bán tôm cho ông vào năm 2014 sau đó ông nghỉ mua tôm nên ông Cường E cũng không đến bán, đến ngày 11, 12/8/2018 ông Cường E mới đến địa điểm doanh nghiệp tư nhân A để bán tôm lại. Ông Bùi Thanh A cho rằng ông đã cho ông Lê Thành T thuê mặt bằng để thu mua tôm của ông Cường E chứ ông không thu mua tôm, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay ông A xác nhận việc ông cho ông T thuê địa điểm thu mua tôm ông không thông báo cho ông Cường E biết. Như vậy có đủ cơ sở xác định, ông Cường E đưa tôm đến địa điểm doanh nghiệp tư nhân A là nhằm mục đích xác lập giao dịch mua bán với ông Bùi Thanh A - chủ doanh nghiệp tư nhân A, bởi lẽ ông Cường E được nhận tin nhắn từ ông A, nội dung ông A nhắn tin báo giá thu mua tôm là lấy tư cách doanh nghiệp tư nhân A báo giá thu mua chứ không phải ông T thu mua, mặt khác ông Cường E không quen biết ông T, không được ông A thông báo về việc ông A cho người khác thuê địa điểm thu mua tôm, sau khi bán tôm thì ông Cường E nhận được phiếu mua hàng ghi số lượng tôm và giá tiền đã bán là phiếu đề tên của doanh nghiệp tư nhân A, khi ông Cường E đòi tiền bán tôm thì ông A là người nhắn tin thông báo chưa có tiền hẹn sẽ trả vào ngày hôm sau. Cấp sơ thẩm xác định ông Bùi Thanh A - chủ doanh nghiệp tư nhân A là người phải chịu trách nhiệm thanh toán số tiền nợ mua bán tôm cho ông Lê Cường E là có cơ sở.

Luật sư bảo vệ cho ông Bùi Thanh A cho rằng, ông Cường E đã biết được ông T là người thuê địa điểm của ông A thu mua tôm nên việc cấp sơ thẩm buộc ông A trả nợ cho ông Cường E là không có căn cứ, tài liệu chứng minh cho việc ông Cường E biết được ông T là người thuê địa điểm của ông A thu mua tôm là đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của ông Cường E (BL 27) có nội dung ông Cường E xác nhận ông A chỉ là người giới thiệu ông T thu mua tôm của ông Cường E và báo cáo số 47/BC-ĐTTPHS-KT&MT ngày 17/8/2018 của Điều tra viên Võ Thành Linh có nội dung: "căn cứ vào đơn yêu cầu vào ngày 12/8/2018, cơ quan CSĐT công an huyện An Minh có mời ông Lê Cường E đến công an xã Đông Hòa làm việc, ông Cường E xác nhận mình có gửi đơn, hiện đang giao tôm nên chưa làm việc được và hẹn trực tiếp xuống Công an huyện làm việc sau". Tuy nhiên, Cơ quan điều tra công an huyện An Minh cũng như Điều tra viên Võ Thành Linh không cung cấp được biên bản làm việc hoặc giấy tờ tài liệu chứng minh việc ông Cường E có nộp đơn đề nghị khởi tố ngày 12/8/2018. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Cường E không thừa nhận ông có gửi đơn yêu cầu khởi tố ngày 12/8/2018 (BL 27) đến cơ quan điều tra. Tại biên bản xác minh ngày 08/12/2020 của Tòa án đối với Cơ quan điều tra Công an huyện An Minh xác nhận ngày 12/8/2018 Cơ quan điều tra huyện An Minh nhận được

nhiều đơn tố giác ông Lê Thành T trong đó có đơn của ông Lê Cường E, tất cả các đơn trực ban của công an huyện An Minh nhận từ một người nhưng không rõ là người nào, việc nhận đơn không có lập biên bản nên không xác định được ông Cường E có nộp đơn hay không. Trong khi đó, biên bản xác minh của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đối với các ông Bùi Văn Sương, Trần Trung Hậu xác nhận đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với ông Lê Thành T gửi công an huyện An Minh là do ông A đánh máy sẵn đưa lại cho các ông ký, rồi ông A tự nộp cho công an huyện An Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông A cho rằng đơn đề nghị khởi tố vụ án hình sự của ông Lê Cường E gửi Công an huyện An Minh là do vợ ông Cường E ký tên và nộp, ông yêu cầu Tòa án đưa vợ ông Cường E tham gia tố tụng trong vụ án. Tuy nhiên, ông A không đưa ra được căn cứ để xác định vợ ông Cường E là người ký tên trong đơn đề nghị khởi tố ngày 12/8/2018, mặt khác, trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, ông A không yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm đưa vợ ông Cường E tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy việc đưa vợ ông Cường E tham gia tố tụng là không cần thiết, việc vợ ông Cường E có ký tên vào đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự ngày 12/8/2018 hay không cũng không phải là căn cứ để chứng minh ông Cường E biết việc ông A cho ông T thuê địa điểm kinh doanh, bởi vì người giao dịch mua bán với ông A là ông Cường E, không phải vợ ông Cường E, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông A đưa vợ ông Cường E tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm.

[3] Về số nợ trong hợp đồng mua bán: Tài liệu xuất trình là 02 phiếu mua hàng in tên của doanh nghiệp tư nhân A, tại mục thành tiền có ghi 89270 (BL 07) và 66980 (BL 08).

Tại phiên tòa hôm nay, ông A cho rằng ông không thu mua tôm nên không biết nội dung ghi trên 02 phiếu mua hàng là gì. Tuy nhiên người làm chứng ông Lý Hoàng N và ông Trần Trung H là những người bán tôm tại địa điểm của doanh nghiệp tư nhân A đều xác nhận, khi họ bán tôm tại đây cũng được cấp các phiếu mua hàng giống như ông Cường E. Nội dung ghi trên phiếu mua hàng được giải thích như sau: các số ghi tại cột "loại" là số lượng con tôm, các số ghi tại cột "số lượng" là số kilogam cân được, các số ghi tại cột "thành tiền" chính là giá tiền tôm đã bán. Đối với phiếu mua hàng BL 07 tại cột thành tiền ghi số 89270 được hiểu là số tiền bán tôm được 89.270.000 đồng; phiếu mua hàng BL 08 tại cột thành tiền ghi số 66980 được hiểu là số tiền bán tôm được 66.980.000 đồng.

Do ông A chưa thanh toán số tiền mua bán tôm cho ông Cường E nên tòa án cấp sơ thẩm buộc ông A - chủ doanh nghiệp tư nhân A thanh toán số tiền mua bán tôm vào hai ngày 11, 12/8/2018 với số tiền 89.270.000đ + 66.980.000đ = 156.250.000 đồng là phù hợp.

[5] Ông Bùi Thanh A có xuất trình chứng cứ là hợp đồng cho thuê địa điểm kinh doanh ngày 01/6/2017 giữa ông và ông Lê Thành T trong đó có nội dung ông T phải chịu toàn bộ trách nhiệm trong việc giao dịch mua bán thủy hải sản, do đó ông A không nhất trả nợ cho ông Cường E vì giao dịch này do ông T thực hiện. Xét thấy hợp đồng cho thuê địa điểm kinh doanh do ông A xuất trình không có công chứng chứng thực, phần bên B (ông Lê Thành T) chỉ có dấu vân tay, không xác định họ tên, hợp đồng này cũng mâu thuẫn với biên bản lấy lời khai ông Lê Thành T (BL 53) của Tòa án nhân dân huyện An Minh, ông T cho rằng ông A và ông T chỉ thỏa thuận miệng về việc cho thuê địa điểm thu mua hải sản, hơn nữa tại phiên tòa hôm nay ông A thừa nhận hợp đồng cho thuê địa điểm kinh doanh giữa ông và ông T ký kết riêng với nhau, ông không thông báo cho ông Cường E biết nên không thể buộc ông T chịu trách nhiệm trả nợ cho ông Cường E nếu ông Cường E không đồng ý. Sau này, nếu ông A có tranh chấp với ông Lê Thành T về hợp đồng cho thuê địa điểm kinh doanh và nghĩa vụ thanh toán số tiền ông đã thanh toán cho ông Lê Cường E thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

[6] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện tính lãi trên số nợ mua bán, chỉ yêu cầu ông Bùi Thanh A - chủ doanh nghiệp tư nhân A thanh toán nợ gốc mua bán là 156.250.000 đồng. Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Thanh A - chủ doanh nghiệp tư nhân A, không chấp nhận quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện tại cấp phúc thẩm. Việc sửa án không phải lỗi của Tòa án cấp sơ thẩm.

[7] Về án phí: nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa phúc thẩm vẫn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 6 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông A kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, các điều 274, 275, 280, 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Bùi Thanh A - Chủ Doanh nghiệp tư nhân A. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2020/DS-ST ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Cường E.

Buộc ông Bùi Thanh A - Chủ doanh nghiệp tư nhân A phải trả cho ông Lê Cường E số tiền mua bán tôm còn thiếu là 156.250.000đ (Một trăm năm mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Cường E buộc ông Bùi Thanh A phải trả lãi 34.320.000 đồng trên số tiền nợ còn thiếu 156.250.000 đồng.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Bùi Thanh A - Chủ doanh nghiệp tư nhân A phải chịu 7.812.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn ông Lê Cường E phải chịu 1.716.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.906.250 đồng theo biên lai số 0006029 ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh; ông Cường E được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 2.190.250 đồng.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Thanh A - Chủ doanh nghiệp tư nhân A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0007947 ngày 13/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Trâm Anh